

Nội dung bài viết

1. [Soạn Ngữ văn lớp 6 Bài: Thực hành tiếng Việt trang 59, 60 \(Cánh Diều\)](#)

Soạn Ngữ văn lớp 6 Bài: Thực hành tiếng Việt trang 59, 60 (Cánh Diều)

Câu 1 trang 59 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Xác định ý nghĩa của các từ *chân*, *chạy* trong mỗi trường hợp dưới đây:

Chân:

a) *Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi và khi trèo lên xe, tôi rúu cả chân lại.* (Nguyễn H ồng)

b)

Dù ai nói ngả, nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

(Ca dao)

c) *Đám tàn quân giã đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc.*
(**Thánh Gióng**)

Chạy:

a) *Thằng Khìn chạy lon ton quanh sân...* (Cao Duy Sơn)

b) *Xe chạy chậm chậm.* (Nguyễn H ồng)

c) *Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiên tàu.* (Nguyễn H ồng)

d) *Bãi cát trắng phau, chạy dài hàng mấy nghìn thước.* (Mộng Tuyết)

Trả lời:

Xác định nghĩa:

Chân:

a) *Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi và khi trèo lên xe, tôi rúu cả **chân** lại.* (Nguyễn H ồng)

→ Bộ phận dưới cùng của cơ thể người dùng để đi, đứng, chạy, nhảy, v.v.

b)

Dù ai nói ngả, nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

(Ca dao)

→ Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ phận khác.

c) *Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc.*
(*Thánh Gióng*)

→ Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền (phần dưới của núi, đá...).

Chạy:

a) *Thằng Khìn chạy lon ton quanh sân...* (Cao Duy Sơn)

→ Hành động (người, động vật) di chuyển thân thể bằng những bước nhanh, mạnh và liên tiếp.

b) *Xe chạy chậm chậm.* (Nguyễn Hữu)

→ Phương tiện giao thông di chuyển trên một bề mặt đến một nơi khác.

c) *Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu.* (Nguyễn Hữu)

→ Khẩn trương lo liệu để mau chóng có được, đạt được cái mình đang cần, đang muốn.

d) *Bãi cát trắng phau, chạy dài hàng mấy nghìn thước.* (Mộng Tuyết)

→ Động từ chỉ sự vật nằm trải ra thành dải dài.

Câu 2 trang 59 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Tìm thêm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật).

VD: **Mũi:** mũi dao, mũi súng, mũi đất, mũi quân, mũi thuyền,...

Trả lời:

- **Mắt:** mắt na, mắt xích, mắt tre, mắt lưới,...
- **Tay:** tay ghế, tay đòn,...
- **Miệng:** miệng chén, miệng hang,...

Câu 3 trang 59, 60 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:

a) **Chín:**

-

Quýt nhà ai chín đỏ cây

Hỡi em đi học, hãy hãy má tròn.

(Tố Hữu)

- *Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.* (Tục ngữ)

b) **Cắt:**

- *Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm rồi lặn xuống nước.* (Sự tích Hồ Gươm)

-

Việc làm khắp chốn cùng nơi

Giục đi cắt cỏ vai tôi đã mòn

(Ca dao)

- *Bài viết bị cắt một đoạn.* (Dẫn theo Hoàng Phê)
- *Chúng cắt lượm nhau suốt ngày vào cà khịa làm cho Trũi không chịu được.* (Tô Hoài)

Trả lời:

a) **Chín** (1) *đỏ cây*: hoa quả (hạt, hoa,...) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon có thể ăn được.

- *Một nghề cho chín* (2): mức độ thuần thực, kĩ lưỡng, thấu đáo, đầy đủ mọi khía cạnh ở một lĩnh vực nào đó.

- *còn hơn chín* (3) *nghề*: số từ.

Đ Chín (1) và chín (2) là từ đa nghĩa; chín (1) và chín (3) là từ đồng âm.

b) **Cắt**:

- *Nhanh như cắt* (1): chim ăn thịt, nhỏ hơn diều hâu, cánh dài và nhọn, bay rất nhanh.

- *Giục đi cắt* (2) *cỏ*: hành động làm đứt bằng một vật sắc.

- *Bài viết bị cắt* (3) *một đoạn*: tách ra một phần để bỏ bớt đi.

- *Chúng cắt* (4) *lượt nhau suốt ngày*: phân đi làm việc theo sự luân phiên, lần lượt.

Đ Cắt (1), cắt (2), cắt (3), cắt (4) là từ đồng âm.

Câu 4 trang 60 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Tìm các từ mượn trong những câu dưới đây. Đối chiếu với nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh để biết nguồn gốc của những từ đó.

- Từ tiếng Pháp: *automobile, tournevis, carton, sou, képi, câble,...*

- Từ tiếng Anh: *TV (television).*

a) *Đó là lần đầu tiên tôi thấy ô tô.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

b) *Chọn lúc cả nhà không ai để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

c) *Lúc đó, tôi vô cùng cảm phục những chú thợ điện với túi đồ nghề gồm kìm, tuốc nơ vít cột ngang lưng treo lên cột điện nối dây cáp.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

d) *Khi tôi đọc sách, mọi thông tin vào đầu tôi rất chậm, nhưng khi xem ti vi bằng tai và mắt thì tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn nhiều.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

e) *Tôi khẩn khoản xin cha mua cho tôi một chiếc mũ kết và tự tay tôi làm một cặp kính đeo mắt của phi công bằng bìa các tông.* (Hon-đa Sô-i-chi-rô)

Trả lời:

a) *Ô tô: automobile* (Tiếng Pháp)

b) *xu: sou* (Tiếng Pháp)

c) *tuốc nơ vít: tournevis* (Tiếng Pháp)

dây cáp: câble (Tiếng Pháp)

d) *ti vi: TV (television)* (Tiếng Anh)

e) *mũ kết: képi* (Tiếng Pháp)

bìa các tông: carton (Tiếng Pháp)

Câu 5 trang 60 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Theo em, có thể thay thế các từ mượn trong những câu ở bài tập 4 bằng các từ gốc Việt không? Vì sao?

Trả lời:

Theo em, một số trường hợp có thể thay thế các từ mượn bằng các từ gốc Việt (*ti vi* → *vô tuyến truyền hình...*) nhưng một số trường hợp không thể thay thế được là bởi vốn từ vựng của tiếng Việt không đủ để định nghĩa hết tất cả các khái niệm. Hơn nữa, trong quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế thì việc chuyển ngữ từ vựng từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.

Câu 6 trang 60, 61 SGK Ngữ văn 6 Tập 1:

Đọc văn bản dưới đây và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 dòng) cho biết: Theo tác giả, khái niệm “ngọt” trong tiếng Việt đã được nhận thức qua những giác quan nào?

Trả lời:

Đầu tiên, khái niệm “ngọt” được cảm nhận bằng vị giác, thưởng thức các vị “ngọt” của thức ăn. Do sự gần gũi của vị giác và khứu giác, từ đầu lưỡi, “ngọt” còn được cảm nhận bằng mũi như ngửi một mùi gì *ngọt ngọt*. Rồi đến thị giác, “ngọt” có thể thấy được bằng mắt *giữa ngày xuân ngọt nắng*. Từ sự ngọt ngào của món ăn, qua cảm nhận của thính giác, “ngọt” mang một nghĩa khá trừu tượng như *đàn ngọt hát hay*. Đặc biệt là khi phối hợp cảm giác với nhau để chúng ta cảm nhận thấy *dao bén ngọt, cắt cho ngọt tay,...*